

Học kỳ:
Term

Học kỳ 1 - Năm học 2018-2019 (1831)

Lớp:
Class

0300 (1076)

STT (S/N)	MSSV (Student#)	Họ Lót (Surname)	Tên (Given Name)	Thi cuối kỳ (Final) (60%)	Ghi chú (Note)
1	2171669	Nguyễn My	An	7,2	
2	2172787	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	5,0	
3	2173222	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	7,0	
4	2172997	Nguyễn Thị Bảo	Châu	7,6	
5	2171623	Nguyễn Đình Hồng	Diễm	5,6	
6	2144560	Nguyễn Phương	Dung	8,4	
7	2171061	Nguyễn Doãn Thiện	Duyên	8,6	
8	2142809	Đỗ Khang	Huy	5,2	
9	2174920	Tôn Thất Minh	Huy	5,0	
10	2152919	Lã Nhật Minh	Khang	9,4	
11	2132150	Nguyễn Hoàng	Linh	6,4	
12	2161121	Phan Ngọc Mỹ	Linh	5,6	
13	2150957	Trần Huỳnh Trà	Mi	6,2	
14	2162911	Lê Võ Trung	Nam	8,6	
15	2161494	Nguyễn Kim	Ngọc	6,4	
16	2173036	Nguyễn Như Ánh	Nguyệt	6,2	
17	2174708	Phạm Thị Cẩm	Nhung	8,0	
18	2174693	Nguyễn Hà Kiều	Oanh	8,2	
19	2160853	Trần Bửu	Phương	5,8	
20	2171445	Võ Hoàng Thúy	Quỳnh	7,0	
21	2170612	Chung Tuấn	Sang	6,8	
22	2173028	Phùng Kim	Thanh	5,4	
23	2172706	Lê Phú	Thành	9,6	
24	2170765	Đinh Nguyễn Mai	Thảo	9,0	
25	2162199	Phương Thanh	Thảo	7,2	
26	2152084	Nguyễn Trọng	Thắng	9,2	
27	2150490	Ngô Thị Minh	Thuy	5,4	
28	2170942	Nguyễn Ngọc Thanh	Thùy	Đình chỉ thi	Cấm thi
29	2162193	Nguyễn Thanh	Thủy	7,4	
30	2144552	Lê Minh	Thư	5,2	
31	2171901	Phạm Hoài Bảo	Thy	6,6	
32	2170350	Đỗ Thu Thùy	Trâm	8,2	
33	2175727	Ngô Xuân	Trâm	9,6	
34	2160600	Nguyễn Hoài	Trâm	8,8	
35	2151580	Huỳnh Bảo	Trần	6,4	
36	2151088	Lý Trần	Trần	Đình chỉ thi	Cấm thi
37	2160950	Ứng Ngọc	Trình	6,2	
38	2162118	Nguyễn Trần Phương	Uyên	5,6	
39	2160932	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vi	7,0	
40	2134469	Phan Trương Thúy	Vy	7,0	

Ngày tháng năm 20
Chủ nhiệm bộ môn
(Department Head)

Ngày tháng năm 20
Giảng viên phụ trách lớp
(Instructor)

Lê Thái Hùng